

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU
TỔNG HỢP I VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 35/2024-TH1-VP

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP XNK Tổng hợp I Việt Nam thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: TH1
- Địa chỉ: Số 46 phố Ngô Quyền, P. Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Điện thoại liên hệ/Tel: 02438265190
- Email: gexim@ge1.com.vn Website: <https://ge1.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2023

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:



Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 29/3/2024 tại đường dẫn: <https://ge1.com.vn/category/tin-tuc/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2023;
- Văn bản giải trình;

Đại diện tổ chức

Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Nguyễn Thị Huyền Linh



VŨ THỊ
PHƯƠNG
G

Digitally signed by VŨ THỊ PHƯƠNG
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Hoàn Kiếm,
OU=CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP
KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM,
T=Chánh Văn Phòng, CN=VŨ THỊ
PHƯƠNG,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=CCCD:
027182000054

Reason: I am the author of this document

Location: your signing location here

Date: 2024-03-29 13:43:37

Foxit PhantomPDF Version: 9.5.0

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-45
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 30 tháng 11 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Vĩnh Huy	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Ủy viên
Bà Vũ Thị Phương	Ủy viên
Ông Lê Tuấn Điệp	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Vũ Thị Phương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/11/2023
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20/11/2023
Bà Mai Thu Hà	Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 01/01/2024

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Chiền	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Thảo	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Hương	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vũ Thị Phương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Số: 290324.014/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam được lập ngày 29 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 290323.022/BCTC.KT2 ngày 30 tháng 03 năm 2023 về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I, chúng tôi đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc khả năng hoạt động liên tục của Công ty và các khoản công nợ chưa thu thập đầy đủ bằng chứng phù hợp. Các vấn đề này vẫn chưa được Công ty xử lý, khắc phục, do đó chúng tôi tiếp tục đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính hợp nhất năm nay, cụ thể như sau:

1. Tại ngày 01/01/2023 và 31/12/2023 nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn lần lượt là 72,95 tỷ VND và 21,19 tỷ VND, khoản lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2023 là 216,53 tỷ VND và tại ngày 31/12/2023 là 174,71 tỷ VND. Vấn đề này cùng với các vấn đề được nêu tại Thuyết minh số 1 trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho thấy sự tồn tại của yếu tố dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định về hoạt động liên tục. Với các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 kèm theo.
2. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục theo quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam nhưng chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá tính phù hợp của giao dịch liên quan đến khoản hợp tác đầu tư giữa Công ty và ông Trần Minh Hiếu với số tiền tại ngày 01/01/2023 và ngày 31/12/2023 cùng là 64 tỷ VND đang được trình bày tại Thuyết minh số 8 - Phải thu khác. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá hết ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đến các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

Ngoài ra, vấn đề phát sinh trong năm 2023 có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

3. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục theo quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam nhưng chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá tính phù hợp của giao dịch liên quan đến khoản hợp tác đầu tư giữa Công ty và ông Nguyễn Tiến Việt với số tiền 80 tỷ VND đang được trình bày tại Thuyết minh số 8 - Phải thu khác. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá hết ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đến các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Tuấn Anh
Giám đốc Kiểm toán
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1369-2023-002-1

Nguyễn Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 5305-2020-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023 (đã điều chỉnh)
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		254.701.073.274	233.568.277.581
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	5.947.417.197	5.582.147.354
111	1. Tiền		5.947.417.197	5.582.147.354
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	101.532.412.948	38.347.967.356
121	1. Chứng khoán kinh doanh		24.636.399.250	14.948.389.000
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		76.896.013.698	23.399.578.356
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		127.523.835.992	131.794.765.248
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	138.061.169.353	114.799.948.050
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	244.726.532.184	238.063.576.397
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	450.000.000	450.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	229.674.497.876	260.906.255.118
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(485.388.363.421)	(482.425.014.317)
140	IV. Hàng tồn kho	13	14.068.578.249	50.140.813.785
141	1. Hàng tồn kho		14.068.578.249	50.140.813.785
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.628.828.888	7.702.583.838
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	244.825.829	278.071.397
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		4.970.845.789	7.284.382.441
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	413.157.270	140.130.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		313.879.122.293	240.583.329.621
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		99.834.299.996	19.834.299.996
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	9	19.734.299.996	19.734.299.996
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	80.100.000.000	100.000.000
220	II. Tài sản cố định		4.219.687.383	5.724.731.323
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.067.887.383	2.572.931.323
222	- Nguyên giá		3.323.027.787	10.333.629.901
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.255.140.404)	(7.760.698.578)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	3.151.800.000	3.151.800.000
228	- Nguyên giá		3.151.800.000	3.151.800.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư	12	109.573.854.942	112.592.998.074
231	- Nguyên giá		150.100.381.782	154.868.938.887
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(40.526.526.840)	(42.275.940.813)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	94.648.135.313	96.516.549.166
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		94.648.135.313	96.516.549.166
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.200.000.000	1.200.000.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.200.000.000)	(1.200.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		5.603.144.659	5.914.751.062
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	5.603.144.659	5.914.751.062
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		568.580.195.567	474.151.607.202

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤTTại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		559.508.829.109	506.902.801.585
310	I. Nợ ngắn hạn		275.891.417.923	306.521.882.694
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	17.436.293.175	21.963.269.632
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	5.456.616.001	166.905.203
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	5.012.965.782	495.462.543
314	4. Phải trả người lao động		530.462.138	2.787.547.462
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	-	107.181.817
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	152.307.731.784	238.056.388.259
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	94.803.392.315	42.601.171.050
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		343.956.728	343.956.728
330	II. Nợ dài hạn		283.617.411.186	200.380.918.891
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	17	9.046.635.740	9.080.437.800
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	91.057.663.302	10.808.067.059
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	183.513.112.144	180.492.414.032
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		9.071.366.458	(32.751.194.383)
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	9.071.366.458	(32.751.194.383)
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		135.392.670.000	135.392.670.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		135.392.670.000	135.392.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.147.588.054	17.147.588.054
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.262.420.104	7.262.420.104
415	4. Cổ phiếu quỹ		(981.900)	(981.900)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		23.940.421.305	23.940.421.305
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(174.710.004.859)	(216.534.450.975)
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		(216.904.237.671)	(93.030.955.994)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		42.194.232.812	(123.503.494.981)
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		39.253.754	41.139.029
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		568.580.195.567	474.151.607.202

Nguyễn Thanh Thúy
Người lập

Nguyễn Thanh Thúy
Kế toán trưởngVũ Thị Phương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	
			Năm 2023	Năm 2022 (Đã điều chỉnh)
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	383.744.788.802	253.553.717.104
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		383.744.788.802	253.553.717.104
11	4. Giá vốn hàng bán	24	361.447.473.101	226.257.084.627
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		22.297.315.701	27.296.632.477
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	21.881.192.943	90.559.701.563
22	7. Chi phí tài chính	26	(7.977.239.839)	55.873.625.519
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(16.611.689.061)	6.215.412.590
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(1.868.413.854)	(6.430.104.281)
25	9. Chi phí bán hàng	27	18.896.080.544	15.837.825.479
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	9.434.917.513	162.485.364.992
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		21.956.336.572	(122.770.586.231)
31	12. Thu nhập khác	29	38.373.371.638	80.151.110
32	13. Chi phí khác	30	12.676.889.825	512.638.361
40	14. Lợi nhuận khác		25.696.481.813	(432.487.251)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		47.652.818.385	(123.203.073.482)
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	5.458.259.600	248.589.077
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>42.194.558.785</u>	<u>(123.451.662.559)</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		42.194.232.812	(123.452.327.718)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		325.973	665.159
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	3.089	(9.129)



Nguyễn Thanh Thúy
Người lập



Nguyễn Thanh Thúy
Kế toán trưởng



Vũ Thị Phương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		47.652.818.385	(123.203.073.482)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.580.146.963	3.476.500.163
03	- Các khoản dự phòng		2.963.349.104	151.040.183.600
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.862.907.178	3.149.200.512
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(44.411.607.312)	(12.757.166.509)
06	- Chi phí lãi vay		(16.611.689.061)	6.215.412.590
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(3.964.074.743)	27.921.056.874
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(72.020.715.148)	118.629.152.620
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		36.072.235.536	(17.529.172.007)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải		11.875.701.953	10.773.911.565
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		344.851.971	(1.630.853.500)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(9.688.010.250)	51.012.677.939
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.105.999.490)	(4.448.508.640)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(605.162.800)	(149.307.759)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(41.091.172.971)	184.578.957.092
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(249.520.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		27.325.454.546	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(176.258.506.849)	(92.508.270.521)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		122.762.071.507	80.723.104.165
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		15.429.521.967	16.900.658.801
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(10.741.458.829)	4.865.972.445
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		247.285.953.580	298.269.132.696
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(195.087.398.192)	(485.167.418.039)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		52.198.555.388	(186.898.285.343)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		365.923.588	2.546.644.194
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		5.582.147.354	3.043.515.318
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(653.745)	(8.012.158)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>5.947.417.197</u>	<u>5.582.147.354</u>



Nguyễn Thanh Thúy
Người lập



Nguyễn Thanh Thúy
Kế toán trưởng



Vũ Thị Phương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 30 tháng 11 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 135.392.670.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 135.392.670.000 VND; tương đương 13.539.267 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 28 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 180 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh Xuất nhập khẩu.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Bán buôn thực phẩm: Kinh doanh tạp phẩm, thủy hải sản, rượu bia, nước giải khát, kinh doanh bánh kẹo, các mặt hàng đường, sữa, sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê...;
- Kinh doanh nông, lâm, thủy hải sản;
- Kinh doanh các sản phẩm dệt may;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh Nhà ở và văn phòng, cho thuê văn phòng, căn hộ, kho, bãi, nhà xưởng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Tại ngày 01/01/2023 và 31/12/2023 nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn lần lượt là 72,95 tỷ VND và 21,19 tỷ VND, khoản lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2023 là 216,53 tỷ VND và tại ngày 31/12/2023 là 174,71 tỷ VND. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xây dựng phương hướng hoạt động trong thời gian tới như sau: tập trung các hoạt động sản xuất kinh doanh truyền thống và kinh doanh thương mại các mặt hàng nông sản là thế mạnh; mở rộng quy mô thị trường, khách hàng và một số ngành hàng mới; chú trọng vào công tác thu hồi công nợ để chủ động nguồn vốn kinh doanh; và kiện toàn bổ sung nhân sự để nâng cao năng suất lao động. Đồng thời, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng đã xây dựng kế hoạch tài chính để có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2023 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh dịch vụ Rainbow	Hà Nội	80,00%	80,00%	Kinh doanh bất động sản

- Thông tin về các Công ty liên kết, khác: xem chi tiết tại Thuyết minh số 2.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con:

- Trường hợp công ty mẹ thoái một phần vốn và vẫn nắm giữ quyền kiểm soát đối với công ty con: Khoản lãi, lỗ ghi nhận vào khoản mục Lợi nhuận chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định là chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn và giá trị tài sản thuần chuyển nhượng cho cổ đông không kiểm soát cộng với số lợi thế thương mại được ghi giảm;

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định; bất động sản đầu tư;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Công ty thực hiện điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các kỳ trước, Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết phát sinh trong kỳ, Công ty thực hiện loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên doanh, liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên doanh, liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên doanh, liên kết và ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài		Không trích khấu hao

2.12 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau: Nhà cửa, vật kiến trúc từ 05 đến 30 năm.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC hoặc thông báo từ BCC.

Công ty thực hiện kế toán cho BCC và có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC.

Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/07/2017 giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (gọi tắt là TH1) và Công ty TNHH Kowa (gọi tắt là Kowa), cung cấp dịch vụ gia công quần áo và các sản phẩm may mặc khác dành riêng cho Kowa. Hai bên hợp tác điều hành hoạt động của Nhà máy trong việc cung cấp dịch vụ gia công may mặc để đạt được hiệu quả vận hành tối đa của máy móc và nhân lực Nhà máy, đáp ứng các mục tiêu sản xuất. TH1 được hưởng mức phí quản lý là 1% trên tổng doanh thu dịch vụ hàng tháng và được chi trả vào ngày 15 của tháng kế tiếp. TH1 là bên thực hiện kế toán. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên được chi trả toàn bộ cho Kowa.

2.15 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 03 năm.

2.16 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.17 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.18 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống ...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.22 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 . Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	550.912.827	248.623.336
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.396.504.370	5.333.524.018
	5.947.417.197	5.582.147.354

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn (*)	76.896.013.698	-	23.399.578.356	-
	76.896.013.698	-	23.399.578.356	-

(*) Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn tại Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng có kỳ hạn 6 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 7%/năm đến 12,25%/năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

Mã chứng khoán	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
- Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	6.940.395.000	7.602.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	17.696.004.250	27.690.600.000	-	14.948.389.000
	24.636.399.250	35.292.600.000	-	14.948.389.000
				15.470.000.000

Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa tại ngày lập Báo cáo tài chính trên sàn HNX, HOSE và UPCOM tại ngày 30/12/2022 và 31/12/2023.

Các cổ phiếu Công ty mới đầu tư thêm trong năm như sau:

- Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP
+ Về số lượng: 420.000 cổ phiếu
+ Về giá gốc: 6.940.395.000 VND
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà
+ Về số lượng: 59.000 cổ phiếu
+ Về giá gốc: 2.747.615.250 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

c) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết

	31/12/2023			01/01/2023		
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
						Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND
- Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	Hà Nội	40,00%	40,00%	Hà Nội	40,00%	54.197.891.006
- Công ty CP Bất động sản Tổng hợp I	Hà Nội	49,60%	49,60%	Hà Nội	49,60%	15.348.664.554
- Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	Đắk Nông	27,00%	27,00%	Đắk Nông	27,00%	26.969.993.606
						96.516.549.166

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ quyền biểu quyết
						VND
- Công ty CP Khoáng sản Mai Linh - Quảng Ngãi	VND 1.200.000.000	VND (1.200.000.000)	VND 5,42%	VND 1.200.000.000	VND (1.200.000.000)	VND 5,42%
	1.200.000.000	(1.200.000.000)		1.200.000.000	(1.200.000.000)	

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt	Hoạt động kinh doanh chính
<i>Công ty liên doanh, liên kết</i>		
- Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	Hà Nội	Cho thuê văn phòng
- Công ty CP Bất động sản Tổng hợp 1	Hà Nội	Kinh doanh bất động sản
- Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	Đắk Nông	Trồng cây hồ tiêu
<i>Đơn vị khác</i>		
- Công ty CP Khoáng sản Mai Linh - Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Kinh doanh, khai thác khoáng sản

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Bên liên quan</i>	77.700.000	-	43.200.000	-
- Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	77.700.000	-	43.200.000	-
<i>Bên khác</i>	137.983.469.353	(93.933.935.658)	114.756.748.050	(93.933.935.658)
- Công ty CP Kim loại Việt Nam	23.932.288.353	(23.932.288.353)	23.932.288.353	(23.932.288.353)
- Công ty CP Thép Việt Thanh	8.158.626.921	(8.158.626.921)	8.158.626.921	(8.158.626.921)
- Công ty CP Dầu khí và Khoáng sản VITECH	8.275.780.880	(8.275.780.880)	8.275.780.880	(8.275.780.880)
- Công ty CP Thực phẩm C.M.T	35.949.721.230	(35.949.721.230)	35.949.721.230	(35.949.721.230)
- Spring Valley Food Industries LLC	20.020.357.500	-	-	-
- Ogaretco Foodstuff LLC	-	-	3.939.273.000	-
- Công ty TNHH Kowa	-	-	3.357.976.541	-
- Công ty TNHH MTV Dây và Cáp điện ELMACO	3.456.333.468	(3.456.333.468)	3.456.333.468	(3.456.333.468)
- Phải thu khách hàng khác	38.190.361.001	(14.161.184.806)	27.686.747.657	(14.161.184.806)
	138.061.169.353	(93.933.935.658)	114.799.948.050	(93.933.935.658)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	2.410.443.595	-	2.451.584.452	-
- Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	1.910.443.595	-	1.951.584.452	-
- Công ty CP Bất động sản Tổng hợp 1	500.000.000	-	500.000.000	-
<i>Bên khác</i>	242.316.088.589	(232.898.367.609)	235.611.991.945	(229.500.308.505)
- Công ty CP Khoáng sản Mai Linh	6.010.353.102	(6.010.353.102)	6.010.353.102	(6.010.353.102)
- Công ty TNHH Thanh Phát	29.787.510.769	(29.787.510.769)	29.787.510.769	(29.787.510.769)
- Công ty TNHH Thanh Phát HQ	81.832.187.384	(81.832.187.384)	81.832.187.384	(81.832.187.384)
- Công ty TNHH Minh Lâm	4.359.664.601	(4.359.664.601)	4.359.664.601	(4.359.664.601)
- DN tư nhân Trung Thành	48.379.179.373	(48.379.179.373)	48.379.179.373	(48.379.179.373)
- DN tư nhân Phát Đạt	5.238.146.104	(5.238.146.104)	5.238.146.104	(5.238.146.104)
- Công ty TNHH XNK Phước Tiếng	35.635.700.361	(35.635.700.361)	35.635.700.361	(35.635.700.361)
- Công ty TNHH Minh Thy Vàng	3.194.680.000	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	27.878.666.895	(21.655.625.915)	24.369.250.251	(18.257.566.811)
	<u>244.726.532.184</u>	<u>(232.898.367.609)</u>	<u>238.063.576.397</u>	<u>(229.500.308.505)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM
Số 46 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

9 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn						
<i>Bên khác</i>						
- Công ty TNHH MTV Nam Nung	450.000.000	(450.000.000)	-	-	450.000.000	(450.000.000)
	450.000.000	(450.000.000)			450.000.000	(450.000.000)
b) Dài hạn						
<i>Bên liên quan</i>						
- Công ty CP SAM nông nghiệp công nghệ cao (1)	19.734.299.996	-	-	-	19.734.299.996	-
	19.734.299.996				19.734.299.996	

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(1) Hợp đồng tín dụng số 02/2021/THI-SAG/HĐVV ngày 13/10/2021 và Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 01-02/2021/PLHĐVV/THI/SAG ngày 10/10/20223 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Chăm sóc phát triển dự án nông nghiệp tại Đắk Nông;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 11%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 19.734.299.996 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

10/1 * 8.0.1

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

8 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	158.485.434.237	(151.623.509.432)	154.016.349.475	(151.623.509.432)
- Bảo hiểm xã hội	17.097.620	-	16.721.360	-
- Bảo hiểm y tế	3.442.110	-	2.827.755	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.072.590	-	2.045.170	-
- Tạm ứng	331.403.824	-	767.050.418	-
- Ký cược, ký quỹ	32.000.000	-	32.000.000	-
- Phải thu hợp tác kinh doanh	70.337.550.722	(6.337.550.722)	105.617.260.722	(6.917.260.722)
- Phải thu khác	465.496.773	(145.000.000)	452.000.218	-
	229.674.497.876	(158.106.060.154)	260.906.255.118	(158.540.770.154)

a.2) Chi tiết theo đối tượng

- Phải thu hợp tác Công ty TNHH Quang Trung
- Công ty CP Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam (1)
- Phải thu hợp tác Khai thác Khoáng sản Nghệ An
- Phải thu hợp tác Ông Nguyễn Xuân Nam
- Phải thu hợp tác kinh doanh với Ông Hà Văn Hội
- Phải thu hợp tác Ông Trần Minh Hiếu (2)
- Phải thu hợp tác Công ty CP Hóa chất công nghiệp và vật tư tổng hợp
- Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao
- Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng
- Phải thu khác

	1.548.661.868	(1.548.661.868)	1.548.661.868	(1.548.661.868)
	151.623.509.432	(151.623.509.432)	151.623.509.432	(151.623.509.432)
	2.846.000.000	(2.846.000.000)	2.846.000.000	(2.846.000.000)
	1.100.290.000	(1.100.290.000)	1.680.000.000	(1.680.000.000)
	-	-	34.700.000.000	-
	64.000.000.000	-	64.000.000.000	-
	842.598.854	(842.598.854)	842.598.854	(842.598.854)
	4.018.577.408	-	1.847.804.409	-
	2.843.347.397	-	510.821.918	-
	851.512.917	(145.000.000)	1.306.858.637	-
	229.674.497.876	(158.106.060.154)	260.906.255.118	(158.540.770.154)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

8 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
b) Dài hạn				
- Phải thu hợp tác kinh doanh Ông Nguyễn Tiến Việt (3)	80.000.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	100.000.000	-	100.000.000	-
	80.100.000.000	-	100.000.000	-
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
- Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	4.018.577.408	-	1.847.804.409	-
	4.018.577.408	-	1.847.804.409	-

(1) Khoản phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay trong đó bao gồm khoản lãi phải thu của hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam số tiền 151.623.509.432 VND. Trong năm 2021, Công ty đã thu hồi toàn bộ phần vốn góp theo hợp đồng hợp tác đầu tư này bằng tiền gửi ngân hàng. Trong năm 2022, Công ty đã trích lập dự phòng 100% đối với khoản phải thu lãi đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam số tiền 151.623.509.432 VND do không có khả năng thu hồi.

(2) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 05/2022/HTDT ngày 18/05/2022 giữa ông Trần Minh Hiếu và Công ty để thực hiện việc mua chứng khoán, giấy tờ có giá trên cơ sở quy định của pháp luật. Theo điều khoản, hợp đồng có hiệu lực trong vòng 02 năm kể từ thời điểm ký, kết quả đầu tư được phân chia theo nguyên tắc Công ty hưởng 80% và ông Trần Minh Hiếu hưởng 20%. Hợp đồng không quy định về tài sản đảm bảo đối với các bên tham gia. Theo khoản 4.3 của hợp đồng, do ông Trần Minh Hiếu chưa thực hiện hoạt động đầu tư, nên trong năm 2023 ông Trần Minh Hiếu đã trả cho Công ty số tiền 5.571.251.760 VND (tương ứng với lãi tiền gửi theo nguyên tắc lãi suất tham chiếu bình quân của 3 ngân hàng VCB, Agribank, BIDV với loại hình tiết kiệm VND có kỳ hạn 06 tháng là 5,8%/năm).

(3) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2023/HTDT ngày 28/01/2023 giữa ông Nguyễn Tiến Việt và Công ty để thực hiện việc mua chứng khoán, giấy tờ có giá trên cơ sở quy định của pháp luật. Theo điều khoản, hợp đồng có hiệu lực trong vòng 02 năm kể từ thời điểm ký, kết quả đầu tư được phân chia theo nguyên tắc Công ty hưởng 80% và ông Nguyễn Tiến Việt hưởng 20%. Hợp đồng không quy định về tài sản đảm bảo đối với các bên tham gia. Do ông Nguyễn Tiến Việt chưa thực hiện hoạt động đầu tư, nên trong năm 2023 ông Nguyễn Tiến Việt đã trả cho Công ty số tiền 6.347.397.260 VND (tương ứng với lãi suất 16%/năm cho kỳ hạn từ ngày 03/02/2023 đến ngày 02/08/2023 và 11%/năm cho các kỳ tiếp theo).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

9 . NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
a) Phải thu của khách hàng	93.933.935.658	-	93.933.935.658	-
- Công ty CP Kim loại Việt Nam	23.932.288.353	-	23.932.288.353	-
- Công ty CP Thép Việt Thanh	8.158.626.921	-	8.158.626.921	-
- Công ty CP Dầu khí và Khoáng sản VITECH	8.275.780.880	-	8.275.780.880	-
- Công ty CP thực phẩm C.M.T	35.949.721.230	-	35.949.721.230	-
- Công ty TNHH MTV Dây và Cáp điện ELMACO	3.456.333.468	-	3.456.333.468	-
- Các công ty khác	14.161.184.806	-	14.161.184.806	-
b) Trả trước cho người bán	232.898.367.609	-	229.500.308.505	-
- Công ty CP Khoáng sản Mai Linh	6.010.353.102	-	6.010.353.102	-
- Công ty TNHH Thanh Phát	29.787.510.769	-	29.787.510.769	-
- Công ty TNHH Thanh Phát HQ	81.832.187.384	-	81.832.187.384	-
- Công ty TNHH Minh Lâm	4.359.664.601	-	4.359.664.601	-
- Doanh nghiệp tư nhân Trung Thành	48.379.179.373	-	48.379.179.373	-
- Doanh nghiệp tư nhân Phát Đạt	5.238.146.104	-	5.238.146.104	-
- Công ty TNHH XNK Phước Tiếng	35.635.700.361	-	35.635.700.361	-
- Các công ty khác	21.655.625.915	-	18.257.566.811	-
c) Cho vay	450.000.000	-	450.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Nam Nung	450.000.000	-	450.000.000	-
d) Phải thu khác	158.106.060.154	-	158.540.770.154	-
- Công ty CP Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam	151.623.509.432	-	151.623.509.432	-
- Công ty TNHH Quang Trung	1.548.661.868	-	1.548.661.868	-
- Công ty Khai thác Khoáng sản Nghệ An	2.846.000.000	-	2.846.000.000	-
- Ông Nguyễn Xuân Nam	1.100.290.000	-	1.680.000.000	-
- Các công ty khác	987.598.854	-	842.598.854	-
	485.388.363.421	-	482.425.014.317	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM
Số 46 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

10 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm	5.112.821.251		3.064.333.954		1.941.106.092		215.368.604		10.333.629.901
- Thanh lý, nhượng bán	(4.235.875.433)		(2.652.075.565)		-		-		(6.887.950.998)
- Giảm khác	-		(122.651.116)		-		-		(122.651.116)
Số dư cuối năm	876.945.818		289.607.273		1.941.106.092		215.368.604		3.323.027.787
Giá trị hao mòn lũy kế									
Số dư đầu năm	5.018.780.430		1.752.017.304		774.532.240		215.368.604		7.760.698.578
- Khấu hao trong năm	19.601.987		302.634.074		238.767.770		-		561.003.831
- Thanh lý, nhượng bán	(4.233.017.920)		(1.710.892.969)		-		-		(5.943.910.889)
- Giảm khác	-		(122.651.116)		-		-		(122.651.116)
Số dư cuối năm	805.364.497		221.107.293		1.013.300.010		215.368.604		2.255.140.404
Giá trị còn lại									
Tại ngày đầu năm	94.040.821		1.312.316.650		1.166.573.852		-		2.572.931.323
Tại ngày cuối năm	71.581.321		68.499.980		927.806.082		-		1.067.887.383

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 71.580.571 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.209.141.150 VND.

11 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại 26B Lê Quốc Hưng, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá là 3.151.800.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty là nhà cửa, vật kiến trúc tại Hà Nội, Hải Phòng được sử dụng để cho thuê có tổng nguyên giá là 150.100.381.782 VND; giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2023 là 40.526.526.797 VND, khấu hao trong kỳ là 3.019.143.132 VND. Trong năm, Công ty thanh lý bất động sản đầu tư tại 210 Chùa Vẽ, P. Đông Hải 1, Q.Hải An, Hải Phòng với nguyên giá và khấu hao lũy kế đều có giá trị là 4.768.557.105 VND. Giá trị còn lại cuối năm của bất động sản đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 109.573.854.985 VND. Nguyên giá bất động sản đầu tư hết khấu hao, còn sử dụng là 14.238.940.392 VND. Doanh thu từ bất động sản đầu tư trong năm là 46.919.276.011 VND.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2023. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tại Nghị Quyết số 32/2023/NQ-HĐQT ngày 01/02/2023, Hội đồng quản trị của Công ty đã thông qua việc hủy hợp đồng góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất vào Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh dịch vụ Rainbow bằng bất động sản đầu tư tại số 7 phố Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân (nay là phường Nguyễn Du), quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Nguyên giá và khấu hao lũy kế trên bất động sản đầu tư tăng lần lượt là 8.999.880.000 VND và 8.999.879.999 VND (Chi tiết tại thuyết minh số 37).

13 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	14.016.958.712	-	45.591.919.899	-
Công cụ, dụng cụ	4.735.255	-	7.247.527	-
Thành phẩm	46.884.282	-	3.375.376.359	-
Hàng hoá	-	-	1.166.270.000	-
	14.068.578.249	-	50.140.813.785	-

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	31.556.766	40.466.388
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	213.269.063	237.605.009
	244.825.829	278.071.397
b) Dài hạn		
Tiền thuê đất trả tiền một lần (*)	3.498.155.928	3.650.249.664
Chi phí sửa chữa	1.935.445.453	1.788.086.671
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.186.821	3.011.358
Chi phí trả trước dài hạn khác	168.356.457	473.403.369
	5.603.144.659	5.914.751.062

(*) Tiền thuê đất trả trước một lần có thời hạn 32 năm tại Ấp Tân Mỹ, xã Xuân Bảo, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai với diện tích 9.060 m² được Nhà nước giao đất, công nhận quyền sử dụng đất và không thu tiền sử dụng đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<i>Bên khác</i>				
- Ông Trần Văn Hải	15.936.741.144	15.936.741.144	15.936.741.144	15.936.741.144
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp An Việt	611.970.945	611.970.945	-	-
- Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ XNK Hải Hà	30.771.000	30.771.000	3.297.872.000	3.297.872.000
- Phải trả các đối tượng khác	856.810.086	856.810.086	2.728.656.488	2.728.656.488
	<u>17.436.293.175</u>	<u>17.436.293.175</u>	<u>21.963.269.632</u>	<u>21.963.269.632</u>

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>Bên khác</i>	5.456.616.001	166.905.203
- Parlak Gida IHR ITH TIC San LTD STI	756.112.000	-
- Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sản xuất cao su Liên Anh	4.246.158.000	-
- Công Ty TNHH Một Thành Viên Phùng Hoan Gia Lai	3.000.001	163.800.000
- Người mua trả tiền trước khác	451.346.000	3.105.203
	<u>5.456.616.001</u>	<u>166.905.203</u>

17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước tiền thuê căn hộ	-	107.181.817
	<u>-</u>	<u>107.181.817</u>
b) Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước tiền cho thuê văn phòng	9.046.635.740	9.080.437.800
	<u>9.046.635.740</u>	<u>9.080.437.800</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	343.328.543	1.076.261.992	1.683.368.530	1.076.261.992	1.683.368.530	273.027.270	273.027.270	9.249.275	9.249.275	9.249.275	9.249.275
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	149.974.651	5.458.259.600	605.162.800	5.458.259.600	605.162.800	-	-	5.003.071.451	5.003.071.451	5.003.071.451	5.003.071.451
Thuế Thu nhập cá nhân	-	2.159.349	485.414.944	486.929.237	485.414.944	486.929.237	-	-	645.056	645.056	645.056	645.056
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	140.130.000	-	2.009.502.515	2.009.502.515	2.009.502.515	2.009.502.515	140.130.000	140.130.000	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	12.000.000	12.000.000	12.000.000	12.000.000	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	21.388.888	21.388.888	21.388.888	21.388.888	-	-	-	-	-	-
	140.130.000	495.462.543	9.062.827.939	4.818.351.970	9.062.827.939	4.818.351.970	413.157.270	413.157.270	5.012.965.782	5.012.965.782	5.012.965.782	5.012.965.782

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
a1) Chi tiết theo nội dung		
- Kinh phí công đoàn	472.699.379	828.943.509
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	491.001.500	480.951.500
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.581.850.355	1.581.850.355
- Phải trả lãi vay (1)	77.041.343.688	96.759.032.239
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	72.720.836.862	138.405.610.656
	<u>152.307.731.784</u>	<u>238.056.388.259</u>
a2) Chi tiết theo đối tượng		
- Bà Vũ Thị Ngọc	-	34.700.000.000
- Công ty CP Chế biến XNK Thủy sản Anh Minh	-	10.000.000.000
- Công ty CP Bảo hiểm Hùng Vương (2)	64.000.000.000	64.000.000.000
- Công ty CP Thương mại AMP	-	20.000.000.000
- Công ty CP Kinh doanh bất động sản VHC (1)	19.416.068.646	19.416.068.646
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hùng An (1)	52.492.151.330	74.543.182.621
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.399.511.808	15.397.136.992
	<u>152.307.731.784</u>	<u>238.056.388.259</u>
b) Dài hạn		
b1) Chi tiết theo nội dung		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.057.663.302	808.067.059
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	90.000.000.000	10.000.000.000
	<u>91.057.663.302</u>	<u>10.808.067.059</u>
b2) Chi tiết theo đối tượng		
- Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín (3)	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty CP Bảo hiểm Hùng Vương (4)	80.000.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.057.663.302	808.067.059
	<u>91.057.663.302</u>	<u>10.808.067.059</u>

(1) Khoản lãi vay phải trả tương ứng với các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty đã được chi tiết tại Thuyết minh số 20.

(2) Khoản tiền đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 18052022/HĐCN-TH1-BHV ngày 18/5/2022 giữa Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương và Công ty liên quan đến chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 26B Lê Quốc Hưng, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

(3) Khoản phải trả ứng trước theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHT/GENERALEXIM-SACOMREAL ngày 26/04/2016 giữa Công ty và Công ty CP Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín về việc hợp tác đầu tư dự án khu căn hộ ở và kết hợp thương mại tại 251/44 đường Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

(4) Khoản tiền đặt cọc theo Thỏa thuận đặt cọc số 07/HĐ-ĐC/TH1-BHV ngày 03/02/2023 giữa Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương và Công ty liên quan đến chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Tòa nhà Rainbow số 7 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân (nay là phường Nguyễn Du), quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

20 . VAY

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (1)	42.325.171.050	42.325.171.050	247.310.661.167	195.051.439.902	94.584.392.315	94.584.392.315
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hà Nội (2)	25.440.765.000	25.440.765.000	72.826.631.570	70.365.641.810	27.901.754.760	27.901.754.760
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hà Nội (2)	16.884.406.050	16.884.406.050	174.484.029.597	124.685.798.092	66.682.637.555	66.682.637.555
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (5)	276.000.000	276.000.000	219.000.000	276.000.000	219.000.000	219.000.000
	276.000.000	276.000.000	219.000.000	276.000.000	219.000.000	219.000.000
	42.601.171.050	42.601.171.050	247.529.661.167	195.327.439.902	94.803.392.315	94.803.392.315
b) Vay dài hạn						
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hùng An (3)	117.685.624.741	117.685.624.741	1.947.607.711	-	119.633.232.452	119.633.232.452
- Công ty Cổ phần Sam Holdings (4)	18.841.300.000	18.841.300.000	-	-	18.841.300.000	18.841.300.000
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (5)	495.000.000	495.000.000	-	276.000.000	219.000.000	219.000.000
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản VHC (6)	43.746.489.291	43.746.489.291	1.292.090.401	-	45.038.579.692	45.038.579.692
	180.768.414.032	180.768.414.032	3.239.698.112	276.000.000	183.732.112.144	183.732.112.144
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(276.000.000)	(276.000.000)	(219.000.000)	(276.000.000)	(219.000.000)	(219.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	180.492.414.032	180.492.414.032	180.492.414.032	180.492.414.032	183.513.112.144	183.513.112.144

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

20 . Vay (tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 1001LAV230083700 ngày 09/10/2023, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 VND;
 - Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Thời hạn duy trì hạn mức: từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 09/10/2024;
 - Thời hạn cho vay: không quá 06 tháng và được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
 - Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 1.142.578 USD (tương đương 27.901.754.760 VND);
 - Hình thức bảo đảm tiền vay: hợp đồng tín dụng được đảm bảo bằng các tài sản đảm bảo giữa Công ty và Ngân hàng và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

- (2) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng cho vay số 070623-849519-01-SME ngày 12/06/2023, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức cho vay: 100.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xuất khẩu hàng nông sản, lâm sản;
- Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng tính từ ngày 12/06/2023;
- Thời hạn cho vay: không quá 06 tháng và được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
- Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 2.752.903 USD (tương đương 66.682.637.555 VND);
- Hình thức bảo đảm tiền vay: hợp đồng cho vay được đảm bảo bằng các tài sản đảm bảo giữa Công ty và Ngân hàng và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (3) Số dư nợ vay tại thời điểm ngày 31/12/2023 là các khoản nợ vay được Công ty Cổ phần Đầu tư Hùng An mua lại theo các hợp đồng mua bán nợ với các ngân hàng, với các điều khoản chi tiết sau:
- Lãi suất cho vay: không tính lãi từ thời điểm chuyển giao khoản nợ vay của các ngân hàng;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 119.633.232.452 VND (bao gồm: 2.782.296,73 USD và 51.745.192.240 VND), nợ lãi là 52.492.151.330 VND (bao gồm: 1.567.485,9 USD và 16.635.911.367 VND). Theo Biên bản thỏa thuận ngày 30/11/2023, từ năm 2024 trở đi lịch trình trả nợ tiếp theo sẽ được hai bên tiếp tục đàm phán trong thời gian tới.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

20 . Vay (tiếp theo)

- (4) Vay dài hạn của Công ty Cổ phần Sam Holdings theo Hợp đồng vay vốn số 01/2021/SAM-THI/HDVV ngày 13/10/2021 và Phụ lục hợp đồng số 01/2023/PLHDVV/SAM-THI ngày 13/10/2023, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức vay: 30.000.000.000 VND;
 - Mục đích vay: đầu tư hợp tác với Công ty Cổ phần SAM Nông nghiệp Công nghệ cao (SAG) thực hiện phát triển dự án nông nghiệp tại Đắk Nông;
 - Thời hạn cho vay: đến hết ngày 13/11/2024 và được tự động gia hạn cho đến khi có Phụ lục mới hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng;
 - Lãi suất cho vay: 11%/năm (chưa bao gồm thuế GTGT);
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 18.841.300.000 VND, nợ lãi là 3.868.417.766 VND;
 - Hình thức bảo đảm tiền vay: Không có tài sản đảm bảo.
- (5) Vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 1001-LAV-210066735 ngày 23/08/2021, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 970.000.000 VND;
 - Mục đích vay: đầu tư mua mới 01 xe ô tô con theo hợp đồng mua bán ký với Công ty TNHH TOYOTA Long Biên;
 - Thời hạn cho vay : 36 tháng và được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
 - Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 219.000.000 VND. Nợ dài hạn đến hạn trả là 219.000.000 VND;
 - Hình thức bảo đảm tiền vay: hợp đồng tín dụng được đảm bảo bởi hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải giữa Công ty và Ngân hàng và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.
- (6) Số dư nợ vay tại thời điểm ngày 31/12/2023 là các khoản nợ vay được Công ty CP Kinh doanh Bất động sản VHC mua lại theo các hợp đồng mua bán nợ với các ngân hàng, với các điều khoản sau:
- Lãi suất cho vay: không tính lãi từ thời điểm chuyển giao khoản nợ vay của các ngân hàng;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 45.038.579.692 VND (tương đương 1.845.843,43 USD), nợ lãi là 19.416.048.646 VND (bao gồm: 803.866,75 USD và 1.027.616.740 VND). Theo Biên bản thỏa thuận ngày 31/03/2022, từ năm 2023 lịch trình trả nợ tiếp theo sẽ được hai bên tiếp tục đàm phán trong thời gian tới.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP VIỆT NAM
Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	23.940.421.305	(92.877.933.552)	39.999.940	90.904.183.951
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(123.452.327.718)	665.159	(123.451.662.559)
Điều chỉnh lại hủy khoản tăng vốn ở Công ty con	-	-	-	-	-	(51.167.263)	473.930	(50.693.333)
Phân phối lợi nhuận cho Kowa từ lợi nhuận 2021 (*)	-	-	-	-	-	(153.022.442)	-	(153.022.442)
Số dư cuối năm trước	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	23.940.421.305	(216.534.450.975)	41.139.029	(32.751.194.383)
Số dư đầu năm nay	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	23.940.421.305	(216.534.450.975)	41.139.029	(32.751.194.383)
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	42.194.232.812	325.973	42.194.558.785
Chi trả cổ tức tại các công ty con	-	-	-	-	-	-	(2.211.248)	(2.211.248)
Giảm khác	-	-	-	-	-	1	-	1
Phân phối lợi nhuận cho Kowa từ lợi nhuận 2022 (*)	-	-	-	-	-	(369.786.697)	-	(369.786.697)
Số dư cuối năm nay	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	23.940.421.305	(174.710.004.859)	39.253.754	9.071.366.458

(*): Khoản lợi nhuận phải trả Công ty TNHH Kowa (gọi tắt là Kowa) theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/07/2017 (Thông tin chi tiết tại thuyết minh số 2.14).

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu năm		Tỷ lệ
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ	
Ông Đinh Đức Tùng	28.065.210.000	20,73%	28.065.210.000	20,73%	
Ông Nguyễn Văn Nguyễn	26.961.230.000	19,91%	26.961.230.000	19,91%	
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	21.500.000.000	15,88%	21.500.000.000	15,88%	
Các cổ đông khác	58.865.820.000	43,48%	58.865.820.000	43,48%	
Cổ phiếu quỹ	410.000	0,00%	410.000	0,00%	
	135.392.670.000	100%	135.392.670.000	100%	

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.392.670.000	135.392.670.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>135.392.670.000</i>	<i>135.392.670.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>135.392.670.000</i>	<i>135.392.670.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	<i>1.581.850.355</i>	<i>1.581.850.355</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	<i>1.581.850.355</i>	<i>1.581.850.355</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.539.267	13.539.267
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	13.539.267	13.539.267
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.539.267</i>	<i>13.539.267</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	41	41
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>41</i>	<i>41</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.539.226	13.539.226
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.539.226</i>	<i>13.539.226</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	23.940.421.305	23.940.421.305
	23.940.421.305	23.940.421.305

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại:

- Số 7 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân (nay là phường Nguyễn Du), quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích làm văn phòng và kinh doanh khách sạn, với thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 06/12/2005, diện tích đất thuê là 435,9 m²;

- Số 251/4 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm kho hàng hóa với thời hạn thuê đất ngắn hạn hàng năm kể từ ngày 05/05/2006 cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch, hợp đồng này đương nhiên được gia hạn trong từng năm kế tiếp nếu Nhà nước không có quyết định điều chỉnh, thu hồi đất, diện tích đất thuê là 3.030,3 m²;

- Xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm, Hà Nội để sử dụng với mục đích xây dựng Xi nghiệp chế biến quế và nông lâm sản xuất khẩu với thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 18/09/1998, với diện tích đất thuê là 5.065 m².

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty hiện đang được cơ quan nhà nước giao quản lý và sử dụng văn phòng tại địa chỉ số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Đến thời điểm hiện tại, Công ty không phải chi trả các chi phí liên quan đến việc quản lý và sử dụng văn phòng tại địa chỉ trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

b) Ngoại tệ các loại	31/12/2023	01/01/2023
- Đồng đô la Mỹ (USD)	19.510,51	16.196,56
- Đồng Euro (EUR)	0,99	0,99
c) Nợ khó đòi đã xử lý	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
	4.388.995.512	4.388.995.512

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	291.005.143.953	95.320.766.572
Doanh thu bán thành phẩm	55.859.964.450	72.363.466.815
Doanh thu hàng gia công	13.895.994.034	66.120.827.651
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.983.686.365	19.748.656.066
	383.744.788.802	253.553.717.104
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (<i>Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36</i>)	31.500.000	120.000.000

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	290.954.048.731	93.170.854.069
Giá vốn của thành phẩm	52.546.539.214	67.687.786.541
Giá vốn của hàng gia công	13.908.359.409	61.684.310.938
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.038.525.747	3.714.133.079
	361.447.473.101	226.257.084.627

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	10.522.606.729	4.260.870.790
Lãi bán các khoản đầu tư	-	4.999.861.889
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.376.000.000	14.926.400.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.982.586.214	3.394.895.247
Doanh thu hoạt động tài chính khác (*)	-	62.977.673.637
	21.881.192.943	90.559.701.563

(*) Doanh thu hoạt động tài chính khác trong đó bao gồm khoản chênh lệch giữa giá gốc của 11.353.631 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (mã chứng khoán EIB) và dư nợ gốc vay của Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội, sau khi Công ty thực hiện các thủ tục bán số cổ phiếu EIB được phong tỏa để cần trừ thu hồi nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	6.909.410.939	6.215.412.590
Lãi tiền vay được miễn giảm (*)	(23.521.100.000)	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	41.124.402.832
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.771.542.044	5.384.613.729
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	2.862.907.178	3.149.200.512
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(4.144)
	(7.977.239.839)	55.873.625.519

(*) Theo biên bản ngày 30/11/2023, Công ty được giảm 30% trên tổng dư nợ lãi vay với Công ty Cổ phần Đầu tư Hùng An với tổng số tiền lãi miễn giảm là 963.979,51 USD.

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.441.666	37.483.315
Chi phí nhân công	3.029.687.791	4.252.009.931
Chi phí khấu hao tài sản cố định	194.610.930	250.306.512
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.795.879.926	10.950.483.385
Chi phí khác bằng tiền	2.871.460.231	347.542.336
	18.896.080.544	15.837.825.479

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.879.460	559.309.434
Chi phí nhân công	4.326.559.556	6.359.352.866
Chi phí khấu hao tài sản cố định	179.252.904	194.976.971
Thuế, phí, lệ phí	14.978.386	2.016.928.540
Chi phí dự phòng	2.963.349.104	151.040.187.744
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.285.188.403	1.517.708.664
Chi phí khác bằng tiền	635.709.700	796.900.773
	9.434.917.513	162.485.364.992

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	26.431.720.892	-
Tiền phạt thu được	-	12.000.000
Chi phí sử dụng vốn của ông Trần Minh Hiếu	5.571.251.760	-
Chi phí sử dụng vốn của ông Nguyễn Tiến Việt	6.347.397.260	-
Thu nhập khác	23.001.726	68.151.110
	38.373.371.638	80.151.110

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	50.306.455	-
Các khoản bị phạt	51.947.718	262.647.190
Phạt vi phạm hợp đồng	11.915.397.260	-
Chi phí khác	659.238.392	249.991.171
	12.676.889.825	512.638.361

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Dịch vụ Rainbow	182.460.876	299.282.410
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	182.460.876	299.282.410
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	149.974.651	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(332.435.527)	(149.307.759)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	-	149.974.651
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	5.275.798.724	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.275.798.724	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(272.727.273)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản	5.003.071.451	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	5.458.259.600	299.282.410
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	5.003.071.451	149.974.651

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	42.194.232.812	(123.452.327.718)
Các khoản điều chỉnh	(369.786.697)	(153.022.442)
- Lợi nhuận phải trả cho Công ty TNHH Kowa	(369.786.697)	(153.022.442)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	41.824.446.115	(123.605.350.160)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	13.539.226	13.539.226
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.089	(9.129)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.664.602.554	63.965.084.796
Chi phí nhân công	29.189.928.258	51.940.434.206
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.580.146.963	3.476.500.163
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.015.304.337	34.302.389.664
Chi phí khác bằng tiền	4.082.599.134	7.574.719.699
	92.532.581.246	161.259.128.528

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Đầu tư ngắn hạn	35.292.600.000	-	-	35.292.600.000
	35.292.600.000	-	-	35.292.600.000
Tại ngày 01/01/2023				
Đầu tư ngắn hạn	15.470.000.000	-	-	15.470.000.000
	15.470.000.000	-	-	15.470.000.000

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền	5.396.504.370	-	-	5.396.504.370
Phải thu khách hàng, phải thu khác	115.695.671.417	80.100.000.000	-	195.795.671.417
Các khoản cho vay	-	19.734.299.996	-	19.734.299.996
Chứng chỉ tiền gửi	76.896.013.698	-	-	76.896.013.698
	<u>197.988.189.485</u>	<u>99.834.299.996</u>	<u>-</u>	<u>297.822.489.481</u>
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền	5.333.524.018	-	-	5.333.524.018
Phải thu khách hàng, phải thu khác	123.231.497.356	100.000.000	-	123.331.497.356
Các khoản cho vay	-	19.734.299.996	-	19.734.299.996
Chứng chỉ tiền gửi	23.399.578.356	-	-	23.399.578.356
	<u>151.964.599.730</u>	<u>19.834.299.996</u>	<u>-</u>	<u>171.798.899.726</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Vay và nợ	94.803.392.315	183.513.112.144	-	278.316.504.459
Phải trả người bán, phải trả khác	169.744.024.959	91.057.663.302	-	260.801.688.261
	264.547.417.274	274.570.775.446	-	539.118.192.720
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	42.601.171.050	180.492.414.032	-	223.093.585.082
Phải trả người bán, phải trả khác	260.019.657.891	10.808.067.059	-	270.827.724.950
	302.620.828.941	191.300.481.091	-	493.921.310.032

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao

Công ty liên kết

Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất

Công ty liên kết

Và các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát - Chi tiết tại Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc.

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu dịch vụ	31.500.000	120.000.000
Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	31.500.000	120.000.000
Cho vay	-	10.117.500.000
Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	-	10.117.500.000
Cổ tức nhận được	9.376.000.000	14.926.400.000
Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	9.376.000.000	14.926.400.000
Lãi cho vay	2.170.772.999	1.741.576.355
Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	2.170.772.999	1.741.576.355

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	Chủ tịch HĐQT	72.000.000	68.391.304
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Ủy viên HĐQT miễn nhiệm Tổng Giám đốc ngày 20/11/2023	671.360.000	986.460.000
Bà Vũ Thị Phương	Ủy viên HĐQT Bổ nhiệm Tổng Giám đốc ngày	415.355.818	60.000.000
Ông Lê Tuấn Điệp	Ủy viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Bà Phạm Thị Chiến	Trưởng ban BKS	48.000.000	48.000.000
Bà Phạm Thị Thảo	Thành viên BKS	36.000.000	36.000.000
Bà Lê Thị Thu Hương	Thành viên BKS	36.000.000	36.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước VND	Số liệu điều chỉnh lại VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
a) Bảng Cân đối kế toán hợp nhất					
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	50.693.333	-	(50.693.333)	(*)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	444.769.210	495.462.543	50.693.333	(*)
LNST chưa phân phối năm nay	421b	(123.401.599.631)	(123.503.494.981)	(101.895.350)	(*)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	40.630.345	41.139.029	508.684	(*)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước</u> VND	<u>Số liệu điều chỉnh lại</u> VND	<u>Chênh lệch</u> VND	<u>Ghi chú</u>
b) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất					
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	(50.693.333)	-	50.693.333	(*)
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61	(123.401.599.631)	(123.452.327.718)	(50.728.087)	(*)
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62	630.405	665.159	34.754	(*)

Lí do điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên là do Công ty huỷ hợp đồng góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất vào Công ty con Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh dịch vụ Rainbow bằng bất động sản đầu tư tại số 7 phố Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân (nay là phường Nguyễn Du), quận Hai Bà Trưng, Hà Nội theo Nghị quyết số 32/2023/NQ-HĐQT ngày 01/02/2023 của Hội đồng Quản trị.


Nguyễn Thanh Thúy
Người lập

Nguyễn Thanh Thúy
Kế toán trưởng


Vũ Thị Phương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

